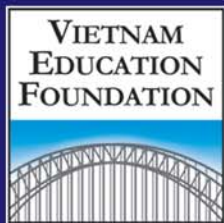




Báo cáo
của Đoàn Khảo sát Thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ
Đệ trình cho Quỹ Giáo dục Việt Nam

NHỮNG QUAN SÁT VỀ HIỆN TRẠNG GIÁO DỤC TRONG CÁC NGÀNH KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Tháng 1, 2007



THE NATIONAL ACADEMIES
Advisers to the Nation on Science, Engineering, and Medicine

Các Đơn vị Đồng Tài trợ:

MOET



NHỮNG QUAN SÁT

VỀ HIỆN TRẠNG GIÁO DỤC

**trong các Ngành Khoa học Nông nghiệp
tại Việt Nam**

**Báo cáo
của Đoàn Khảo sát Thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ
Đệ trình cho Quỹ Giáo dục Việt Nam**

01 - 2007

CÁC TÁC GIẢ

TS. Neal Van Alfen

Trưởng Khoa
Khoa Nông nghiệp và Khoa học Môi trường
Trường Đại học California – Davis

TS. J. Scott Angle

Trưởng Khoa và Giám đốc
Khoa Nông nghiệp và Khoa học Môi trường
Trường Đại học Georgia

TS. H. Ray Gamble

Giám đốc các Chương trình Học bổng
Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia

TS. Andrew G. Hashimoto

Trưởng Khoa và Giám đốc
Khoa Nông nghiệp Nhiệt đới và Nguồn Nhân lực
Trường Đại học Hawaii

TS. Jaw-Kai Wang

Giáo sư Kỹ sinh và Thủy sản
Khoa Nông nghiệp Nhiệt đới và Nguồn Nhân lực
Trường Đại học Hawaii

TS. Lynne McNamara

Quyền Giám đốc Điều hành và Giám đốc các Chương trình
Quỹ Giáo dục Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Thanh Phượng

Tư vấn, Dự án Giáo dục Nông nghiệp
Quỹ Giáo dục Việt Nam

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	3
TÓM TẮT.....	4
A. Giới thiệu.....	5
B. Mục tiêu.....	5
C. Phương pháp.....	6
D. Kết quả.....	8
1. Phi tập trung hoá.....	8
2. Đào tạo một nền giáo dục toàn diện.....	9
3. Xác định lại chiến lược giáo dục.....	9
4. Hợp nhất nghiên cứu và hoạt động khuyến nông.....	10
5. Phát triển nguồn nhân lực – Đội ngũ giảng viên.....	11
6. Cải tiến cơ sở vật chất.....	13
7. Cải thiện các nguồn tư liệu học tập.....	13
8. Đảm bảo cơ hội học tập công bằng.....	14
9. Hợp tác và cộng tác.....	14
10. Lòng nhiệt tình và ước muốn thay đổi.....	15
E. Kết luận.....	15
F. Những quan sát trong các lĩnh vực cụ thể.....	16
PHỤ LỤC.....	18
Phụ lục A. Các thành viên đóng góp và tham gia chủ yếu của Dự án.....	19
Phụ lục B. Tóm tắt thông tin cơ bản về bốn trường đại học nông nghiệp tham gia Dự án.....	22
I. Bối cảnh.....	22
II. Phương pháp.....	25
III. Tóm tắt bốn trường đại học nông nghiệp tham gia Dự án.....	25
IV. Tài liệu tham khảo.....	29
V. Thông tin hữu ích khác.....	29

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này được thực hiện bởi một nhóm chuyên gia với tư cách là những thành viên của đoàn khảo sát thực địa do Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ tổ chức với sự trợ giúp của TS. Nguyễn Thị Thanh Phương, Tư vấn Dự án của Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF), và TS. Lynne A. McNamara, Quyền Giám đốc Điều hành của VEF. TS. Thanh Phương đã tiến hành thu thập và tóm tắt các dữ liệu tiền khảo sát thực địa, tổ chức các chuyến đi thực địa đến bốn trường đại học nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam, hỗ trợ soạn thảo và biên tập cho bản báo cáo này. Trong suốt thời gian đi thực địa, các chuyên gia Hoa Kỳ đã đưa ra những quan sát và khuyến nghị của mình, và tất cả đều được ghi nhận trong bản báo cáo này. Chúng tôi xin cảm ơn Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia – TP. Hồ Chí Minh đã cho phép TS. Thanh Phương hỗ trợ dự án này.

Chúng tôi xin đặc biệt cảm ơn các chuyên gia Hoa Kỳ, TS. J. Scott Angle, TS. Andrew Hashimoto, TS. Neal Van Alfen, và TS. Jaw-Kai Wang về những đóng góp của họ trong việc đưa ra những quan sát và khuyến nghị cho báo cáo này. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn lãnh đạo bốn trường đại học nông nghiệp Việt Nam: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về lòng hiếu khách mà các trường đã dành cho đoàn trong suốt các chuyến đi thực địa cũng như về sự hỗ trợ to lớn của các trường đã tạo điều kiện để Đoàn được gặp gỡ giảng viên và tham quan các tiện nghi và cơ sở vật chất của các trường. Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác và hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, và Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, những đơn vị đã đón tiếp và gặp gỡ đoàn trong suốt chuyến đi thực địa. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn ông Michael Marine, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, ông John Wade, Tùy viên Nông nghiệp, và các nhân viên khác của Đại sứ quán Hoa Kỳ đã hỗ trợ cho dự án này. Ngoài ra, chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn Phòng Văn hoá - Thông tin, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội đã cho phép chúng tôi được in biểu trưng của hai nước Hoa Kỳ - Việt Nam trên trang bìa của báo cáo này.

Chúng tôi khuyến khích những ai nhận được bản báo cáo này chia sẻ rộng rãi với những người khác với hy vọng rằng những nhận định được trình bày trong báo cáo này sẽ thúc đẩy hơn nữa sự phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam.

Washington, D.C., ngày 31 tháng 01 năm 2007

TS. H. Ray Gamble
Giám đốc các Chương trình Học bổng
Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia
Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ

TÓM TẮT

Một nền nông nghiệp mạnh là chìa khoá của sự phát triển kinh tế và ngược lại, năng suất nông nghiệp phụ thuộc vào hệ thống giáo dục và nghiên cứu các ngành khoa học nông nghiệp trên diện rộng. Nhận thức được mối quan hệ này, Quỹ Giáo dục Việt Nam đã xác định giáo dục trong các ngành khoa học nông nghiệp là một lĩnh vực ưu tiên trong các chương trình đa dạng của VEF. Trên cơ sở đó, VEF đã yêu cầu Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ cung cấp một cái nhìn tổng quan về hiện trạng giáo dục của các ngành khoa học nông nghiệp ở Việt Nam. Dự án này được thực hiện với sự cộng tác và hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, cũng như bốn trường đại học nông nghiệp tham gia vào dự án: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Trường Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Mục tiêu của dự án này là nâng cao sự hiểu biết về hiện trạng giáo dục khoa học nông nghiệp tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, các thông tin cơ bản về các trường đại học khoa học nông nghiệp hàng đầu đã được thu thập và một đoàn chuyên gia của Viện Hàn lâm Hoa Kỳ đã tiến hành khảo sát thực địa. Trong chuyến đi khảo sát, đoàn đã gặp gỡ các viên chức chính phủ cao cấp, ban giám hiệu và giảng viên tại bốn trường đại học nông nghiệp hàng đầu. Khi kết thúc chuyên khảo sát thực địa, đoàn đã chuẩn bị một bản tóm tắt các quan sát cũng như các khuyến nghị để xây dựng tiềm năng cho giáo dục nông nghiệp Việt Nam.

Các khuyến nghị được ghi nhận trong bản báo cáo này đề cập đến nhiều phương diện của giáo dục, nghiên cứu và hoạt động khuyến nông, tập trung vào một số chủ đề chung. Những chủ đề chung này bao gồm: 1) phi tập trung hoá quản lý hệ thống giáo dục về mặt xây dựng chương trình đào tạo và phát triển và nâng cao đội ngũ giảng viên; 2) hướng đến việc hình thành một hệ thống giáo dục toàn diện tránh quá chuyên sâu; 3) áp dụng phương pháp giảng dạy sao cho giảm số lượng các môn học và tín chỉ và chú trọng đến kết quả học tập sinh viên; 4) cung cấp nguồn kinh phí phù hợp cho các cơ sở vật chất (thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học); 5) hợp nhất nghiên cứu và hoạt động khuyến nông với giảng dạy tại trường đại học và khuyến khích sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các trường đại học và các viện; và 6) đẩy mạnh hơn nữa tầm quan trọng của các kỹ năng tiếng Anh đối với cả sinh viên và giảng viên.

A. Giới thiệu

Theo Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hiệp quốc (FAO), “Phát triển nông nghiệp và nông thôn được xem là nền tảng cho sự phát triển kinh tế nói chung và cho sự thực hiện công cuộc hiện đại hoá và công nghiệp hoá. Đổi mới nông nghiệp chính là đòn bẩy thúc đẩy công cuộc cải cách kinh tế Việt Nam, tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển nông thôn nói chung.” Thêm vào đó, “cần thiết phải tạo ra một cơ cấu nông thôn hiện đại hoá và công nghiệp hoá thông qua sự phát triển liên kết giữa nông nghiệp, công nghiệp, và dịch vụ để tạo ra các cơ hội việc làm cho người dân và mang lại cho họ một mức sống thích hợp thoát khỏi cảnh nghèo đói.”¹ Bên cạnh việc cung cấp lương thực bổ dưỡng, an toàn, và thích hợp cho người dân Việt Nam, cần có những nỗ lực phát triển các sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế.

Một điều quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp là phải có hệ thống giáo dục các ngành khoa học nông nghiệp trên diện rộng. Tại Hoa Kỳ, các trường đại học được chính phủ tiểu bang cấp đất và ngân sách hoạt động, được thành lập theo các Đạo Luật Morrill, Hatch và Smith-Lever, gắn kết giữa việc dạy, nghiên cứu, và hoạt động khuyến nông để tạo ra một cơ chế toàn diện nhằm giáo dục người dân và giải quyết các vấn đề vướng mắc trong nông nghiệp.

Nhận thấy tầm quan trọng của giáo dục nông nghiệp đối với sự phát triển của Việt Nam, Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF)² xác định nông nghiệp là một lĩnh vực ưu tiên trong các chương trình đa dạng của VEF. Trên cơ sở đó, VEF đã yêu cầu Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ³ cung cấp một cái nhìn tổng quan về hiện trạng giáo dục của các ngành khoa học nông nghiệp ở Việt Nam. Dự án này được thực hiện với sự hỗ trợ và hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, cũng như bốn trường đại học nông nghiệp tham gia vào dự án: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Trường Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

B. Mục tiêu

Mục tiêu của dự án này là nhằm tìm hiểu hiện trạng giáo dục trong các ngành khoa học nông nghiệp ở Việt Nam. Với mục tiêu chung này, các nội dung cụ thể dưới đây đã được tìm hiểu:

- phương tiện mà Việt Nam sử dụng để xác định các ưu tiên quốc gia và ưu tiên vùng đối với giáo dục trong các ngành khoa học nông nghiệp;

¹ Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hiệp quốc: <http://www.fao.org/vn/vn-progE.htm>

² Để biết thêm thông tin về VEF, xin xem trang Web: <http://www.vef.gov>

³ Để biết thêm thông tin về Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ, xin xem trang Web: <http://www.nationalacademies.org>

- viển tượng và kế hoạch chiến lược của các trường có trách nhiệm giáo dục trong các ngành khoa học nông nghiệp;
- các qui trình mà theo đó các chương trình giáo dục khoa học nông nghiệp được thực hiện;
- các qui trình mà theo đó các chương trình giáo dục khoa học nông nghiệp được đánh giá; và
- phạm vi nghiên cứu và hoạt động khuyến nông tại các trường nông nghiệp và mối quan hệ giữa nghiên cứu và hoạt động khuyến nông đối với qui trình giáo dục.

C. Phương pháp

TS. Nguyễn Thị Thanh Phượng, Tư vấn Dự án của VEF, thu thập thông tin cơ bản về bốn trường đại học hàng đầu về khoa học nông nghiệp, bao gồm cơ cấu tổ chức chung và đặc trưng về nhân khẩu của các trường này.

Vào tháng 9 năm 2006, đoàn của Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ đã đến Việt Nam. Thành phần đoàn bao gồm:

TS. Neal Van Alfen, Trưởng Khoa, Khoa Nông nghiệp và Khoa học Môi trường, Trường Đại học California tại Davis

TS. J. Scott Angle, Trưởng Khoa và Giám đốc, Khoa Nông nghiệp và Khoa học Môi trường, Trường Đại học Georgia

TS. Andrew G. Hashimoto, Trưởng Khoa và Giám đốc, Khoa Nông nghiệp Nhiệt đới và Nguồn Nhân lực, Trường Đại học Hawaii

TS. Jaw-Kai Wang, Giáo sư Kỹ sinh và Thủy sản, Khoa Nông nghiệp Nhiệt đới và Nguồn Nhân lực, Trường Đại học Hawaii

TS. Ray Gamble, Giám đốc các Chương trình Học bổng, Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ

TS. Lynne McNamara, Quyền Giám đốc Điều hành và Giám đốc các Chương trình, VEF

TS. Nguyễn Thị Thanh Phượng, Tư vấn, Dự án Giáo dục Nông nghiệp VEF

Trong thời gian sang làm việc tại Việt Nam, đoàn đã gặp các viên chức chính phủ cao cấp, ban giám hiệu các trường, ban chủ nhiệm các khoa, và giảng viên (faculty⁴) nhiều kinh nghiệm của bốn trường hàng đầu giảng dạy các khoa học nông nghiệp. Các thành viên đóng góp và tham gia chủ yếu trong các buổi họp làm việc được ghi nhận trong Phụ lục A. Thông qua các cuộc phỏng vấn và trao đổi, đoàn đã ghi nhận thông tin về các đề tài sau:

- Sứ mệnh của các trường đại học nông nghiệp
- Mối quan hệ giữa các chương trình học thuật với nhu cầu nông nghiệp quốc gia
- Mối quan hệ giữa các chương trình học thuật với nhu cầu nông nghiệp quốc tế
- Hệ thống xây dựng các môn học và chương trình đào tạo về các môn học đó
- Các tiêu chuẩn tuyển chọn sinh viên đầu vào cho các chương trình đào tạo đại học và sau đại học
- Hệ thống đo lường các kết quả học tập
- Chất lượng giáo dục sinh viên so với tiêu chuẩn quốc tế
- Các phương diện so sánh giữa giáo dục đại học và sau đại học
- Phân bổ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp trong thị trường lao động
- Mức độ các hoạt động nghiên cứu hỗ trợ cho giáo dục
- Mức độ các hoạt động khuyến nông⁵ hỗ trợ cho công tác giáo dục
- Mức độ hợp tác/liên kết với các doanh nghiệp và các hoạt động chuyển giao công nghệ khác
- Mức độ liên kết hợp tác quốc tế trong giáo dục và nghiên cứu
- Nguồn ngân quỹ chính cho giáo dục nông nghiệp
- Các cơ hội giáo dục nông nghiệp chính yếu trong tương lai

⁴ Trong bản tiếng Anh của báo cáo này, từ “faculty” được sử dụng để chỉ đội ngũ giảng viên, chứ không phải là một khoa trong trường đại học.

⁵ Hoạt động khuyến nông được định nghĩa là những hoạt động do trường đại học tổ chức và được xây dựng cho khu vực cộng đồng bên ngoài phạm vi nhà trường. Thí dụ, một trường đại học có thể chuẩn bị và phân phát tờ bướm thông tin về các kỹ thuật nâng cao hiệu quả trong nông nghiệp cho một số đối tượng dân cư thể ở Việt Nam.

D. Kết quả

Phần tóm tắt dữ liệu ban đầu được thu thập trước chuyến đi thực địa của đoàn chuyên gia được trình bày ở Phụ lục B. Những dữ liệu này cung cấp thông tin cơ bản về bốn trường đại học mà đoàn chuyên gia đến khảo sát.

Những quan sát trong bản báo cáo này, về nhiều phương diện, tương tự như những quan sát được trình bày trong bản báo của VEF với tựa đề *Những Quan sát về Giáo dục Đại học trong các Ngành Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật Điện-Điện tử-Viễn thông và Vật lý tại một số Trường Đại học Việt Nam*⁶, và khi phù hợp, các điểm tương đồng này sẽ được nhắc tới. Dưới đây là các lĩnh vực đoàn chuyên gia cảm thấy có thể cải tiến trong hệ thống giáo dục các ngành khoa học nông nghiệp ở Việt Nam. Các đề nghị được đưa ra nhằm thực hiện một số thay đổi khả thi đáp ứng các nhu cầu này. Các khuyến nghị cụ thể trong từng phần được gạch dưới để nhấn mạnh.

1. Phi tập trung hoá

Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm soát tập trung rất nhiều mặt của hệ thống giáo dục. Có đến 70% khung chương trình đào tạo cho các trường đại học Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo và các hội đồng của Bộ phát triển ở cấp quốc gia.

Các địa phương khác nhau của Việt Nam có các nhu cầu riêng biệt, và đôi khi có đặc thù riêng, về mặt phát triển nông nghiệp, và hầu hết các nhu cầu này phục vụ nhu cầu giáo dục của dân địa phương. Với lý do này, sứ mệnh của các trường đại học có trách nhiệm giáo dục các ngành khoa học nông nghiệp nên mang tính địa phương. Thay vì làm việc với một khung chương trình đào tạo được thiết kế tập trung, các trường đại học nông nghiệp nên có chương trình đào tạo riêng, phù hợp với địa phương mà họ phục vụ. Chính vì lý do đó, chúng tôi khuyến nghị giao quyền xây dựng chương trình đào tạo trong các ngành khoa học nông nghiệp cho các trường đại học.

Phát triển chương trình đào tạo phi tập trung sẽ tạo điều kiện cho các trường đại học đạt được các mục tiêu sau: 1) chương trình đào tạo có thể được thiết kế phù hợp với nhu cầu địa phương của sinh viên và người dân -- đối tượng phục vụ của giáo dục, nghiên cứu và các hoạt động khuyến nông của các trường đại học khoa học nông nghiệp; 2) có nhiều sự linh hoạt hơn trong việc thiết kế chương trình đào tạo sẽ tạo ra cơ hội áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, chú trọng đến kết quả học tập của sinh viên; và 3) trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, các trường đại học có thể kết hợp yếu tố đánh giá chất lượng dựa trên sản phẩm của quá trình giáo dục. Một lợi ích khác khi chuyển

⁶ Director, S. W., Doughty, P., Gray, P. J., Hopcroft, J. E., & Silvera, I. F. (2006). *Những quan sát về giáo dục đại học trong các ngành khoa học máy tính, kỹ thuật điện-điện tử-viễn thông và vật lý tại một số trường Đại học ở Việt Nam*. Báo cáo của các Đoàn Khảo sát Thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ đệ trình cho Quỹ Giáo dục Việt Nam. Tài liệu có tại Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF), 2111 Wilson Boulevard, Suite 700, Arlington, VA 22201.

giao trách nhiệm phát triển chương trình giảng dạy cho các trường đại học nơi sẽ thực thi chương trình đào tạo này là khuyến khích được tính sáng tạo, điều cơ bản cho việc thúc đẩy có một chương trình hành động tiến bộ trong giáo dục.

Khung chương trình đào tạo được thiết kế tập trung như hiện nay không đảm bảo được chất lượng đồng nhất trong giáo dục. Giảng viên trường đại học phải quyết định nội dung của khoá học trong phạm vi chương trình đào tạo quy định và quyết định cách thức chuyển giao nội dung đó đến sinh viên. Hiện nay ở Việt Nam, dường như không có hệ thống nào ở cấp độ quốc gia để xem xét đánh giá lại nội dung và phương thức giảng dạy của chương trình đào tạo theo quy định. Nếu thiết lập một hệ thống chương trình đào tạo phi tập trung hoá, các trường đại học nên chịu trách nhiệm về việc đảm bảo chất lượng giáo dục mà sinh viên nhận được. Một quy trình tự đánh giá và đánh giá (kiểm định) đồng cấp lẫn nhau sẽ có một vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo trách nhiệm xã hội và kết nối trách nhiệm xã hội với việc tự chủ. Bộ Giáo dục và Đào tạo nên tiếp tục vai trò đầu tàu trong việc xây dựng khung đánh giá trong giáo dục.

2. Đào tạo một nền giáo dục toàn diện

Chương trình đào tạo của các trường đại học về khoa học nông nghiệp bị hạn chế về phạm vi; do đó, việc giáo dục cho các sinh viên tốt nghiệp từ các trường này cũng bị hạn chế. Các chương trình khoa học nông nghiệp kéo dài trong bốn năm này mang rất nhiều yếu tố của các hệ thống dạy nghề và kỹ thuật. Các trường đại học nông nghiệp nên tập trung vào việc đào tạo học thuật trên bình diện rộng hơn, chuẩn bị cho sinh viên có những đóng góp dài hơn cho sự phát triển. Nghiên cứu và giáo dục hiện đại đòi hỏi sự cộng tác bên ngoài phạm vi các trường đại học Việt Nam truyền thống. Với những lý do trên, chúng tôi khuyến nghị các trường đại học nông nghiệp nên kết hợp với các trường đại học khác, hoặc nên mở rộng phạm vi chương trình giáo dục để tạo ra các trường/viện mang tính toàn diện.

3. Xác định lại chiến lược giáo dục

a. Đào tạo so với giáo dục

Cũng như kết quả được miêu tả trong *Báo cáo Giáo dục Đại học* lần trước, đoàn khảo sát thực địa của dự án giáo dục nông nghiệp quan sát thấy rằng việc giảng dạy tại bốn trường đại học được khảo sát hầu như là dùng phương pháp thuyết trình tài liệu và sinh viên ghi nhớ một cách máy móc. Phương pháp này có thể rất tốt cho việc gọi nhớ lại các sự kiện cụ thể, nhưng lại không có hiệu quả trong việc dạy cho sinh viên cách thức tư duy. Giáo dục nên tập trung vào việc phát triển khả năng học tập suốt đời và các kỹ năng giao tiếp chứ không chỉ đơn thuần là trình bày các sự kiện cụ thể. Tuy nhiên, dường như phương pháp học tập dựa trên việc giải quyết vấn đề không thể kết hợp được một cách dễ dàng vào chương trình đào tạo hiện tại bởi vì số lượng các môn học quy định quá nhiều. Xin khuyến nghị rằng Việt Nam tham khảo các mô hình giảng dạy như ở Hoa Kỳ và các nước khác nơi áp dụng một nền giáo dục toàn diện với phương pháp giảng dạy chú trọng đến

kết quả học tập của sinh viên. Đặc biệt, số lượng tín chỉ và môn học quy định bắt buộc cho một chương trình cử nhân nên được giảm xuống đến mức cần thiết để có thể đạt được một nền giáo dục chất lượng.

Hiện tại, dường như có quá nhiều sự chú trọng vào đào tạo nghề hơn là giáo dục toàn diện trong khoa học nông nghiệp. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, và các trường đại học nên đánh giá nhu cầu về lực lượng lao động hiện tại và tương lai trong nông nghiệp và sử dụng các thông tin này để quyết định tốt nhất về tỉ lệ nguồn nhân lực nên được giáo dục toàn diện và nên được đào tạo (nghề) cụ thể.

b. Phạm vi giảng dạy

Chương trình đào tạo ở các trường đại học Việt Nam bao gồm quá nhiều chi tiết hơn là cung cấp một chương trình giáo dục kiến thức tổng quát và phát triển các kỹ năng học tập. Điều này được phản ánh ở số lượng tín chỉ và môn học quy định quá nhiều để có thể nhận được bằng tốt nghiệp. Trong khi có nhiều đề tài trong chương trình mang tính hiện đại và phù hợp, tuy nhiên, chương trình đào tạo tổng thể thì lại quá cụ thể và tham vọng. Các mục tiêu giáo dục nên tập trung vào các kỹ năng học tập hơn là học thuộc lòng các sự kiện cụ thể mà những thông tin này sẽ trở nên lạc hậu một cách nhanh chóng. Với những lý do trên đây, xin khuyến nghị rằng Việt Nam nên tập trung vào một chương trình đào tạo khoa học nông nghiệp trên diện rộng, với hy vọng sinh viên sẽ học các kỹ năng chuyên biệt cho một vụ mùa cụ thể hoặc một hoạt động nông nghiệp nào đó thông qua các kỳ thực tập, học tập trên cơ sở thực hiện dự án, hoặc đào tạo tại nơi làm việc khi cần thiết.

4. Hợp nhất nghiên cứu và hoạt động khuyến nông

Giáo dục trong khoa học nông nghiệp đòi hỏi có sự hợp nhất giữa nghiên cứu và hoạt động khuyến nông đối với cả giảng viên và sinh viên. Hiện tại, dường như nguồn quỹ dành cho nghiên cứu ở Việt Nam là rất hạn chế và chủ yếu là được phân cho các viện. Đối với các hoạt động khuyến nông, có vẻ như hầu hết các hoạt động khuyến nông hiện nay do chính quyền các tỉnh quản lý và không phải là một phần của hệ thống các trường đại học. Xin khuyến nghị rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo nên xem xét các phương án để đảm bảo rằng nhiệm vụ của các trường đại học hàng đầu trong khoa học nông nghiệp bao gồm các yếu tố quan trọng của cả nghiên cứu và hoạt động khuyến nông; hơn nữa, nên khuyến khích và khen thưởng các giảng viên tham gia vào các hoạt động này. Sau đây là những ví dụ về cách thức thực hiện để đạt được các mục tiêu này:

- Tạo cho nguồn ngân sách dành cho nghiên cứu có tính cạnh tranh. Theo cách này, các trường đại học cũng như các viện có thể cạnh tranh để xin ngân sách nghiên cứu. Những đơn vị nộp đơn tốt nhất và có hiệu quả nhất sẽ được cấp ngân sách nghiên cứu. Quy trình này cũng sẽ tạo ra những sáng kiến mới cho chương trình hành động nghiên cứu nông nghiệp.

- Thành lập mới hoặc di dời các viện nghiên cứu đến các trường đại học. Hiện nay, không có nhiều khuyến khích cho sự cộng tác giữa các trường đại học và các viện. Ngược lại, các đơn vị trực thuộc các tổ chức nghiên cứu nông nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ là các thành phần của, và cùng toạ lạc với, nhiều trường đại học nông nghiệp, cho phép họ làm việc chặt chẽ với nhau. Như vậy, các nhà khoa học của chính phủ có thể làm việc với sinh viên, và giảng viên đại học có thể tiếp cận với các tiện nghi và các trang thiết bị của chính phủ để thực hiện các dự án hợp tác.
- Liên kết các dịch vụ khuyến nông của tỉnh với các trường đại học. Chuyển dời các văn phòng hoạt động khuyến nông đến các trường đại học nông nghiệp để các cán bộ phụ trách hoạt động khuyến nông có thể được hưởng lợi từ các kiến thức trong trường đại học và để giảng viên trường đại học có thể tham gia nhiều hơn vào các vấn đề nông nghiệp thực tế.

Việt Nam sẽ hưởng lợi rất nhiều nếu như giảng viên được quyền hỗ trợ cho những nỗ lực nghiên cứu và phát triển cần thiết để giải quyết các thách thức mà ngành nông nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt.

Bằng cách hợp nhất các chức năng giảng dạy, nghiên cứu và khuyến nông, sinh viên được giáo dục tốt hơn bởi vì các giảng viên liên tục tạo ra các kiến thức mới sẽ được chia sẻ với sinh viên, và giảng viên thì đang giải quyết các vấn đề mà các doanh nghiệp đang đối mặt. Do đó nền giáo dục sẽ tương thích với nhu cầu hiện tại và dự kiến trong tương lai.

5. Phát triển nguồn nhân lực – Đội ngũ giảng viên

Bốn yếu tố phải được quan tâm nhằm phát triển đội ngũ giảng viên đại học tốt hơn: 1) xây dựng nền tảng kiến thức của giảng viên; 2) nâng cao các kỹ năng giảng dạy của giảng viên; 3) tăng cường kiến thức của giảng viên về nghiên cứu; và 4) chuyển đổi mô hình giáo dục từ giảng dạy lý thuyết sang thực hành. Nội dung trao đổi trong phần sau đây đề cập đến bốn yếu tố vừa nêu.

a. Đào tạo giảng viên

Một số bài giảng ở trường đại học được truyền thụ bởi những giảng viên chỉ mới có bằng cử nhân (xem trang 34 ở Bảng 2 trong phần phụ lục). Hơn nữa, hầu hết những giảng viên này đã được đào tạo tại cùng trường nơi họ đang giảng dạy. Với một tỉ lệ cao (15-58%) các bài giảng được truyền thụ bởi những giảng viên đã được đào tạo tại chính các trường đó với mức độ giáo dục nhìn chung được xem là chỉ phù hợp để giảng dạy ở bậc trung học, các sự thay đổi xem ra rất khó khăn. Ngoài sự hạn chế trong việc tiếp cận ra bên ngoài, phần lớn các giảng viên này còn thiếu khả năng sử dụng tiếng Anh trôi chảy.

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học hiện đại đòi hỏi khả năng thành thạo tiếng Anh. Thiếu các kỹ năng tiếng Anh thích hợp là một vấn đề cơ bản bởi vì nó hạn chế giảng viên trong việc tiếp cận với các tạp chí chuyên ngành, giúp họ cập nhật được những kiến thức mới nhất trong ngành của mình. Dựa trên những quan sát của đoàn khảo sát thực địa, xin khuyến nghị rằng Việt Nam nên ưu tiên việc phát triển đội ngũ giảng viên. Các giảng viên chính yếu dạy ở trường đại học nên chuyển đổi từ việc chỉ có những giảng viên với trình độ cử nhân và thạc sĩ khoa học thành một đội ngũ giảng viên có bằng tiến sĩ. Giảng viên của một trường đại học nên được đào tạo từ các trường đại học khác nhau, chứ không nên chủ yếu là lấy từ sinh viên của trường mình. Một điều quan trọng khác là Bộ Giáo dục và Đào tạo nên yêu cầu sinh viên và giảng viên nâng cao khả năng thành thạo Anh ngữ. Khả năng sử dụng Anh ngữ thông thạo là một yếu tố cần thiết cho các nhà khoa học trong việc tiếp cận với nguồn tư liệu trên thế giới về cùng đề tài nghiên cứu

b. Phương pháp giảng dạy

Giáo dục trong khoa học nông nghiệp, và rộng hơn nữa là trong các ngành học khác (được ghi rõ trong phần *Giảng dạy và Học tập bậc Đại học* của bản Báo cáo Giáo dục Đại học của VEF vừa qua), phụ thuộc quá nhiều vào việc học thuộc lòng và không có kết hợp với các phương pháp học tập hiện đại chú trọng đến kết quả học tập của sinh viên.

Giảng viên nên được tạo điều kiện để có nhiều sự linh hoạt hơn trong việc thử nghiệm các phương pháp giảng dạy, tập trung vào các phương pháp sư phạm (cách thức giảng dạy) và các cách thức đánh giá về hiệu quả giảng dạy. Xin khuyến nghị rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo nên đóng vai trò lãnh đạo trong việc giới thiệu các kiến thức về phương pháp giảng dạy hiện đại đến các giảng viên đại học. Trong các biện pháp nâng cao cơ hội giảng dạy và học tập là khuyến khích việc sử dụng nhiều hơn phương pháp học từ xa.

c. Đánh giá giảng viên và thăng tiến cho giảng viên

Các phương pháp hiện tại để đánh giá và nâng bậc cho giảng viên thì không hiệu quả đối với những ước vọng của Việt Nam trong việc xây dựng một hệ thống giáo dục đại học có chất lượng.

Bởi vì thu nhập của giảng viên được tăng tỉ lệ thuận với số môn học mà giảng viên giảng dạy, do đó, giảng viên được khuyến khích tham gia giảng dạy càng nhiều càng tốt. Điều này dẫn đến việc giảng viên không còn thời gian để nghiên cứu, và trong nhiều trường hợp, dường như đã không có những khen thưởng thoả đáng cho các hoạt động nghiên cứu và khuyến nông. Vì sự thăng tiến của giảng viên được dựa trên cả thành tích giảng dạy và nghiên cứu, việc giảng viên được nâng bậc lên học hàm giáo sư dường như là rất khó mới có thể đạt được.

Thật là một điều bất thường trong hầu hết các hệ thống các trường đại học là có quá ít giáo sư trong số những người có học vị tiến sĩ. Mức độ khó khăn trong việc nhận được học hàm phó giáo sư và giáo sư có thể là yếu tố làm nản lòng một số giảng viên.

Xin khuyến nghị rằng lãnh đạo các trường đại học có nhiều quyền tự chủ hơn trong các quyết định về thăng tiến và biên chế, dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Các tiêu chuẩn để đạt được các học hàm phó giáo sư và giáo sư nên thật rõ ràng đối với các giảng viên và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

6. Cải tiến cơ sở vật chất

Chất lượng cơ sở vật chất của bốn trường đại học mà đoàn chuyên gia đã đến thăm là rất khác nhau. Một số trường đại học dường như có những phòng thí nghiệm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng tốt hơn. Trong các cuộc trao đổi về các nguồn kinh phí cho cơ sở vật chất, dường như các tiện nghi có chất lượng tốt hơn là kết quả của các khoản tài trợ nhận được từ các tổ chức quốc tế. Không rõ lý do vì sao một số trường đại học lại có thể huy động được nguồn tài trợ quốc tế tốt hơn các trường đại học khác.

Nói chung, ngoại trừ những cơ sở vật chất do các tổ chức quốc tế đóng góp mới đây, thì cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu ở các trường đại học là rất nghèo nàn. Hầu hết là thiếu ngay cả trang thiết bị thô sơ được dùng trong giảng dạy cho sinh viên (ví dụ: đủ kính hiển vi để mỗi sinh viên sử dụng thành thạo công cụ cơ bản này). Tuy có một số trang thiết bị tiên tiến cho các mục đích nghiên cứu và minh họa, nhưng lại có rất ít dấu hiệu cho thấy các trang thiết bị này được sử dụng thường xuyên, có lẽ điều này phản ánh những thách thức về việc có đủ ngân sách để cung ứng các vật liệu thí nghiệm và sửa chữa bảo trì. Xin khuyến nghị rằng nên tăng cường các kinh nghiệm thực hành phòng thí nghiệm cho sinh viên bằng cách đầu tư thêm ngân sách cho các cơ sở thí nghiệm và cung ứng vật liệu thí nghiệm thích hợp.

Dường như các trường đại học không nhận được một khoản kinh phí thoả đáng cho sứ mệnh giáo dục của mình, và nhận kinh phí thậm chí còn ít hơn kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu và khuyến nông. Sẽ tốt hơn nếu có ít trường hơn nhưng nhận được nguồn kinh phí hỗ trợ thoả đáng. Do vậy xin khuyến nghị rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo nên hợp nhất và/ hoặc chuyển đổi một số trường đại học khoa học nông nghiệp thành các trường đại học đa ngành nhằm khắc phục vấn đề hạn chế về kinh phí của các trường hiện tại. Hơn nữa, hợp nhất sẽ giải quyết được các mối quan ngại về phạm vi đào tạo mà đã được đề cập trong phần bàn luận trước đây về các trường đại học đa ngành.

7. Cải thiện các nguồn tư liệu học tập

Tiếp cận các tư liệu khoa học là một yêu cầu cơ bản đối với đào tạo sau đại học thành công và đối với giảng viên để cập nhật kiến thức hỗ trợ giảng dạy cho các sinh viên đại học. Hai trở ngại ngăn cản giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tư liệu khoa học là: các ấn phẩm sẵn có là còn quá ít và thiếu các kỹ năng tiếng Anh phù hợp. Vấn đề về các

kỹ năng ngôn ngữ đã được đề cập, vì vậy ở đây chúng tôi chỉ tập trung vào vấn đề thư viện.

Các thư viện chủ yếu có các tạp chí khoa học tiếng Việt; chỉ có một số ít các tạp chí quốc tế. Khi đoàn khảo sát thực địa hỏi về cách thức tiếp cận các tạp chí trực tuyến, hầu hết giảng viên và sinh viên cho biết là họ tiếp cận các nguồn tư liệu này thông qua bạn bè ở các trường đại học quốc tế. Dường như là các trường được viếng thăm cung cấp rất ít khả năng truy cập các tư liệu trực tuyến cho giảng viên và sinh viên.

Một thư viện tốt là cần thiết cho cả chương trình đào tạo đại học và sau đại học; tuy nhiên, chưa có một thư viện nào mà chúng tôi thăm viếng được xem là phù hợp thỏa đáng. Xin khuyến nghị rằng chính phủ Việt Nam nên xem xét đầu tư một tỷ lệ nhiều hơn trong tổng ngân sách hàng năm dành cho các trường đại học để mua sách, tạp chí và các nguồn thông tin thích hợp khác thông qua các phương tiện điện tử và phương tiện khác.

8. Đảm bảo cơ hội học tập công bằng

Có một vấn đề cơ bản về sự cạnh tranh của sinh viên từ các trường đại học nông thôn và điều này được nhận thấy bởi cả giảng viên và sinh viên. Đoàn khảo sát thực địa thường nghe rằng các sinh viên nông thôn không thể cạnh tranh nổi đối với các học bổng của VEF.

Không rõ ràng lắm là liệu có phải việc thiếu các kỹ năng tiếng Anh là yếu tố hạn chế chính trong tính cạnh tranh của sinh viên từ các trường đại học nông thôn hay không. Cũng có thể là sự chuẩn bị cho các sinh viên học tiểu học và trung học ở các trường nông thôn thì bất lợi hơn khi thi tuyển vào đại học. Điều này dẫn đến hệ thống phân cấp khu vực về cơ hội giáo dục và nghề nghiệp. Xin khuyến nghị rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành đánh giá sâu hơn về các lý do ngăn cản các sinh viên nông thôn có được cơ hội công bằng trong giáo dục.

9. Hợp tác và cộng tác

Rõ ràng là có nhiều cơ hội hợp tác và cộng tác hơn nữa giữa các trường đại học và các viện, cũng như giữa các trường đại học và các cơ quan có thẩm quyền về hoạt động khuyến nông cấp trung ương và cấp tỉnh. Xin khuyến nghị các trường và viện sắp xếp để cùng đóng tại một địa điểm để cùng chia sẻ các nguồn lực chung, vì thế sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các chương trình.

Cũng có thể có những cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp. Giảng viên và ban giám hiệu các trường đại học nên hiểu biết rõ về nhu cầu của ngành nông nghiệp Việt Nam và những lĩnh vực mà có thể có những cơ hội hiệp lực. Hiểu rõ các nhu cầu của ngành nông nghiệp cũng sẽ giúp cho ban giám hiệu và giảng viên các trường có thể thiết kế một nền giáo dục thích ứng cho sinh viên.

Cuối cùng, nên có thêm những nỗ lực thiết lập mối quan hệ với các trường đại học của các quốc gia khác, trong đó có Hoa Kỳ, trong các lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu đại học và sau đại học.

10. Lòng nhiệt tình và ước muốn thay đổi

Ấn tượng chung nhất từ các cuộc trao đổi giữa đoàn khảo sát thực địa với giảng viên và ban giám hiệu các trường là một niềm hy vọng và mong đợi thay đổi. Có một cảm nhận chung là cần thiết phải thay đổi và đã có một ước muốn mạnh mẽ để tìm tòi cách thức cải tiến các chương trình giảng dạy của họ. Một số giảng viên xem ra rất sáng tạo và có khả năng tận dụng các cơ hội để phát triển chuyên môn. Mong ước của một số giảng viên được phỏng vấn là được hoà nhập vào cộng đồng nghiên cứu quốc tế.

Ấn tượng của đoàn khảo sát thực địa là các trường đại học có tiềm năng cải tiến đáng kể và nhanh chóng nếu các giảng viên của họ có những cơ hội thích đáng.

E. Kết luận

Việt Nam hiện nay đang tập trung vào thực hiện những cải tiến từng bước nhỏ. Cần thiết phải đẩy nhanh phát triển kinh tế thông qua nông nghiệp, và do đó rất cần thiết phải có một hệ thống cải tiến về giáo dục, nghiên cứu, và hoạt động khuyến nông tại các trường đại học nông nghiệp.

Đoàn khảo sát thực địa hiểu rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem giáo dục nông nghiệp là một ưu tiên. Tuy nhiên, rõ ràng là chưa có sự coi trọng đúng mức về vai trò của khoa học nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế. Những sinh viên giỏi nhất dường như đăng ký vào học các chương trình công nghệ thông tin, khoa học máy tính và y khoa. Điều này có lẽ sẽ không nghiêm trọng lắm đối với một đất nước như Hoa Kỳ nơi chỉ có 2% dân số làm việc trong ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, tại Việt Nam hơn 60% dân số làm việc trong ngành nông nghiệp, bắt buộc phải có một số sinh viên giỏi nhất học chuyên về chương trình đào tạo nông nghiệp.

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ cần mạnh dạn xây dựng một lực lượng lao động chất lượng cao trong các khoa học nông nghiệp, và lực lượng lao động này phải đào tạo từ một hệ thống giáo dục chất lượng trong Việt Nam. Ưu tiên hàng đầu phải dành cho các điểm sau đây như đã trình bày trước đây trong bản báo cáo này.

- Giao quyền tự chủ cho các trường đại học trong các lĩnh vực xây dựng chương trình đào tạo cũng như là phát triển và thăng tiến của giảng viên. Hệ thống giáo dục như là hệ thống sản xuất nông nghiệp; hiệu quả làm việc sẽ cao nhất nếu như không bị chi phối ở trung ương.

- Đảm bảo mang lại một nền giáo dục toàn diện, tạo cơ hội học tập công bằng cho tất cả sinh viên từ mọi khu vực của Việt Nam. Việc đào tạo chuyên môn quá sâu vào kỹ thuật sẽ phản tác dụng trong giáo dục đại học. Việc hợp nhất các trường nông nghiệp với các trường đại học lớn sẽ có giá trị rất lớn.
- Khám phá và áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, tránh dạy hàng giờ các bài thuyết giảng và cho sinh viên học thuộc lòng một cách máy móc mà cần phải chuyển sang hướng sử dụng phương pháp chú trọng đến kết quả học tập của sinh viên.
- Đảm bảo tiếp cận tư liệu khoa học bằng tiếng Anh. Nhà nước nên cung cấp nguồn kinh phí nhiều hơn cho các nguồn tư liệu của thư viện và nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc phát triển các kỹ năng tiếng Anh đối với sinh viên và giảng viên.
- Nhấn mạnh chất lượng hơn là số lượng. Nguồn kinh phí dành cho các trường hiện hữu là chưa đầy đủ. Hợp nhất các trường đại học và/ hoặc di dời sao cho các trường cùng toạ lạc với các viện sẽ tối ưu hoá việc sử dụng các nguồn kinh phí sẵn có.
- Kết hợp nghiên cứu và các hoạt động khuyến nông với giảng dạy tại các trường đại học. Bằng cách kết hợp các chức năng giảng dạy, nghiên cứu và khuyến nông, sinh viên sẽ được giáo dục tốt hơn vì giảng viên liên tục tạo ra các kiến thức mới để chia sẻ với sinh viên.
- Tăng cường hợp tác giữa giáo dục, nghiên cứu và các hoạt động khuyến nông trong khoa học nông nghiệp. Cần khuyến khích khen thưởng khi có sự hợp tác giữa các trường đại học và các viện.

F. Những quan sát trong các lĩnh vực cụ thể

Các quan sát sau đây của đoàn khảo sát thực địa về một số lĩnh vực giảng dạy và/ hoặc nghiên cứu cụ thể nhằm mục đích chú trọng hoặc giảm bớt sự chú trọng:

Chế biến làm tăng giá trị sau thu hoạch. Việt Nam sản xuất nhiều lương thực, tuy nhiên, rất ít trong số này được chế biến sau khi ra khỏi cổng nông trại nhằm tăng giá trị của nông sản. Vì mục tiêu là sẽ giảm số lượng lao động nông nghiệp từ 60% trên tổng lực lượng lao động xuống còn 20%, những người lao động cần phải tìm các cơ hội nghề nghiệp thay thế. Chế biến sau thu hoạch là một lĩnh vực nhấn mạnh hợp lý, và chương trình đào tạo trong lĩnh vực này nên được mở rộng.

Thủy sản. Sau gạo, thủy sản là mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam. Hiện nay có sẵn cơ hội áp dụng công nghệ sinh học hiện đại để sản xuất tôm. Việt Nam cần phải tận dụng cơ hội này để giáo dục, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động khuyến nông của ngành.

Kỹ thuật nông nghiệp. Kỹ thuật nông nghiệp, với sự nhấn mạnh về cơ khí hoá và chế biến gạo, nên được xem là ưu tiên cho các trường đại học khu vực thích hợp. Ít nhất một khoa kỹ thuật nông nghiệp mạnh nên được thiết lập ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Ô nhiễm nước. Nuôi trồng thủy sản đã trở thành một yếu tố quan trọng trong việc làm ô nhiễm nước. Đài Loan và Trung Quốc đã nhận ra điều này, và mỗi nước đang thực hiện những biện pháp cụ thể để giảm thiểu ô nhiễm do việc nuôi trồng thủy sản gây ra. Đài Loan đã từng là nhà xuất khẩu tôm số một thế giới đã ngưng sản xuất tôm để xuất khẩu. Một chương trình ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm nước nên trở thành một lĩnh vực nhấn mạnh trong giáo dục và nghiên cứu về kỹ thuật nông nghiệp tại Việt Nam.

* * * * *

PHỤ LỤC

Phụ lục A
Các Thành viên Đóng góp và Tham gia Chủ yếu của Dự án

Các thành viên đóng góp và tham gia chủ yếu của dự án được liệt kê theo thứ tự của tên gọi (ở vị trí cuối cùng) trong hệ thống tên tiếng Việt.

STT	Tên	Vai trò/Chức vụ	Khoa ⁷ , Trường/ Đơn vị
1	TS. Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Phó Trưởng phòng Giảng viên	Trung tâm Đào tạo Quốc tế Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác Quốc tế Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên
2	Ông Hoàng Ngọc Bảo	Chuyên viên Chính	Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
3	GS. TS. Đặng Vũ Bình	Hiệu trưởng	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
4	GS. TS. Nguyễn Văn Bộ	Giám đốc	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
5	TS. Trần Ngọc Ca	Phó Viện trưởng Trưởng Ban thư ký	Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học & Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia
6	ThS. Ngô Doãn Đảm	Phó Trưởng Ban	Ban Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
7	TS. Lê Việt Dũng	Trưởng Phòng	Phòng Quan hệ Quốc tế và Quản lý Dự án, Trường Đại học Cần Thơ
8	TS. Trịnh Trường Giang	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
9	GS. TSKH. Hoàng Ngọc Hà	Vụ trưởng	Vụ Khoa học - Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo

⁷ Trong bản tiếng Anh, từ « Faculty » được các trường đại học Việt Nam sử dụng tương đương với từ « Department » (khoa) ở các trường đại học Hoa Kỳ. Từ « Department » được các trường đại học Việt Nam sử dụng để chỉ đến từ tương đương « Major » (ngành học) ở các trường đại học Hoa Kỳ. Ngoại trừ tiêu đề của phụ lục này trong bản báo cáo tiếng Anh sử dụng thuật ngữ tiếng Anh như được sử dụng ở Hoa Kỳ, các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng ở Việt Nam sẽ được dùng trong phụ lục này.

STT	Tên	Vai trò/Chức vụ	Khoa ⁷ , Trường/ Đơn vị
		Ủy viên	Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia
10	TS. Phan Phước Hiền	Phó Trưởng phòng	Phòng Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
11	PGS. TS. Vũ Đình Hoà	Trưởng phòng	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
12	TS. Nguyễn Thế Hùng	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên
13	PGS. TS. Huỳnh Thanh Hùng	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
14	Bà Nguyễn Thanh Huyền	Phó Vụ trưởng	Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	PGS. TS. Nguyễn Phúc Khanh	Phó Vụ trưởng	Vụ Khoa học - Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	PGS. TS. Ngô Kim Khôi	Phó Vụ trưởng	Vụ Đại học và Sau Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	ThS. Đặng Thị Ngọc Lan	Phó Trưởng phòng	Phòng Hợp tác Quốc tế và Quản lý Dự án, Trường Đại học Cần Thơ
18	TS. BSTY. Lê Văn Lãnh	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
19	TS. Lê Đức Long	Chuyên viên Chính	Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
20	GS.TS. Chu Tuấn Nhạ	Chủ tịch	Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia
21	GS. TSKH. Trần Văn Nhung	Thứ trưởng	Bộ Giáo dục và Đào tạo
22	PGS. TS. Trần Văn Nghĩa	Phó Cục trưởng	Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo
23	TS. Hoàng Văn Phụ	Trưởng ban	Ban Quan hệ Quốc tế, Đại học Thái Nguyên
24	TS. Đặng Kim Sơn	Viện trưởng	Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
25	ThS. Nguyễn Đức Thành	Giảng viên	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

STT	Tên	Vai trò/Chức vụ	Khoa⁷, Trường/ Đơn vị
		Chuyên viên	Phòng Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
26	TS. Vũ Xuân Thủy	Phó Vụ trưởng	Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
27	PGS. TSKH. Lê Quang Trí	Phó Trưởng Khoa	Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ
28	PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Cần Thơ
29	PGS. TS. Phùng Quốc Tuấn	Chuyên viên Chính Giảng viên	Vụ Đại học và Sau Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
30	Bà Lưu Ngọc Vân	Chuyên viên	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
31	PGS. TS. Trần Đức Viên	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
32	PGS. TS. Đặng Kim Vui	Hiệu trưởng	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên
33	PGS. TS. Đỗ Văn Xê	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Cần Thơ

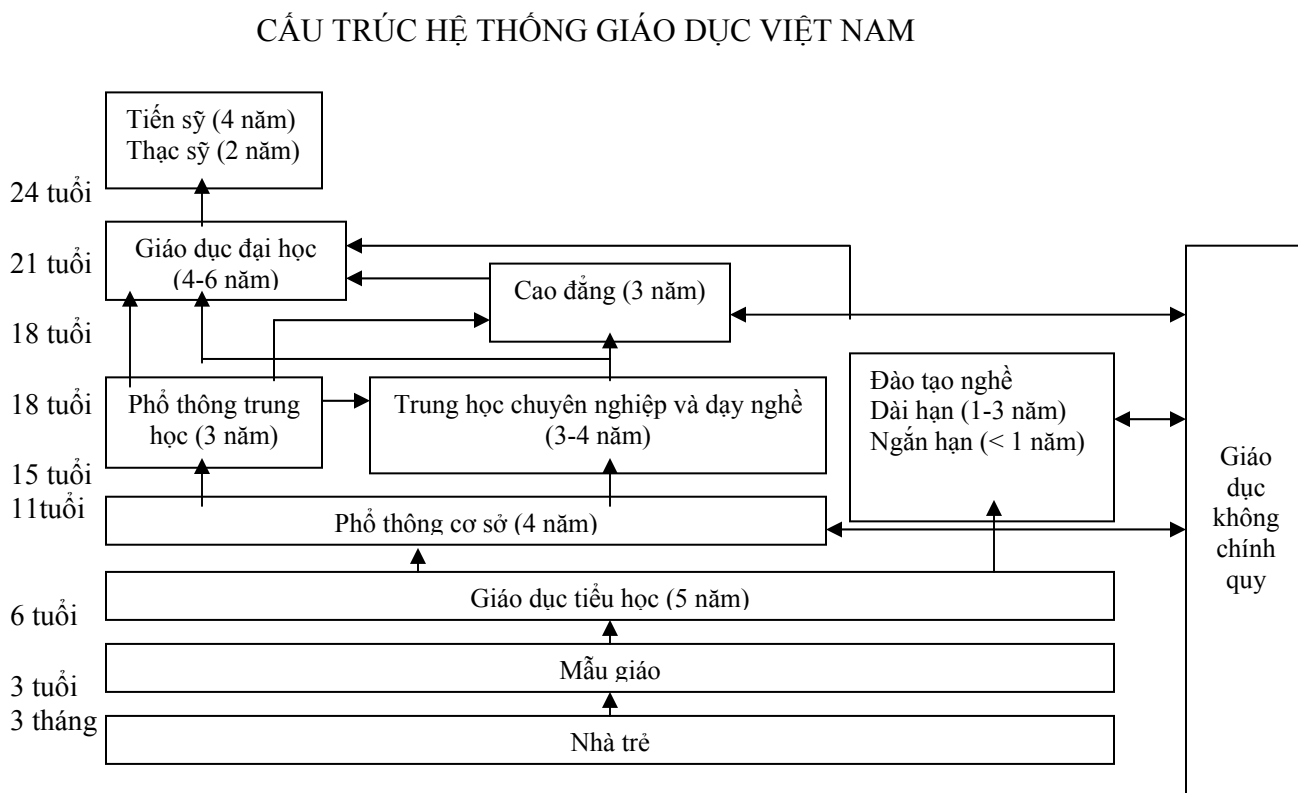
Phụ lục B
Tóm tắt Thông tin Cơ bản về
Bốn Trường Đại học Nông nghiệp Tham gia Dự án

I. Bối cảnh

A. Hệ thống giáo dục tại Việt Nam

Theo truyền thống, giáo dục rất được coi trọng trong xã hội Việt Nam. Đồng thời giáo dục được đánh giá là một yếu tố rất quan trọng góp phần vào sự thành công của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu. Trong năm học 2005-2006, có khoảng 22 triệu học sinh (không bao gồm 650.000 sinh viên không chính quy) trong hệ thống giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007a). Ngân sách nhà nước dành cho giáo dục là khoảng 19% (khoảng 3,4 triệu đô la Mỹ hoặc 55.300 tỉ đồng) (GS.TS. Nguyễn Thiện Nhân, trao đổi cá nhân, 08/2006). Cấu trúc của hệ thống giáo dục Việt Nam được thể hiện ở Biểu đồ 1:

Biểu đồ 1: Cấu trúc hệ thống giáo dục Việt Nam



Nguồn: Niên giám về Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2004, trang 15)

B. Giáo dục sau đại học tại Việt Nam

Bộ Giáo dục và Đào tạo được thành lập vào năm 1990 với nhiệm vụ được giao là chịu trách nhiệm đối với công tác giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học, kể cả đào tạo bậc đại học và cao đẳng. Kể từ giữa thập niên 80, đặc biệt là từ những năm 1993, đã có nhiều nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng và cải cách hệ thống giáo dục đại học. Từ năm 1993 đến năm 2003, tỷ lệ sinh viên ở bậc đại học, cao đẳng tăng hơn 600% và số lượng trường đại học và cao đẳng cũng tăng gấp đôi. Tính đến năm học 2005-2006, tổng cộng có 255 trường đại học và cao đẳng, bao gồm cả hai trường đại học quốc gia là: Đại học Quốc gia - Hà Nội và Đại học Quốc gia – TP. Hồ Chí Minh. Tóm tắt về các loại hình và sự phân bố của các đơn vị đào tạo bậc đại học và cao đẳng từ năm học 1999-2000 đến năm học 2005-2006 được thể hiện ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Các trường đại học/cao đẳng và sự phân bố các trường từ năm học 1999-2000 đến năm học 2005-2006

	1999-2000	2000-2001	2001-2002	2002-2003	2003-2004	2004-2005	2005-2006
TRƯỜNG	153	178	191	202	214	230	255
Cao đẳng	84	104	114	121	127	137	151
Công lập	79	99	108	115	119	130	142
Ngoài Công lập	5	5	6	6	8	7	9
Đại học	69	74	77	81	87	93	104
Công lập	52	57	60	64	68	71	79
Ngoài Công lập	17	17	17	17	19	22	25

Nguồn: Số liệu thống kê giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007b)

Nhằm làm cơ sở cho dự án này, một số điểm quan trọng về hệ thống giáo dục đại học Việt Nam sẽ được trình bày:

- Trong 200 năm gần đây, hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam đã trải qua hai cuộc cải cách toàn diện. “Hiện tại, đang trải qua thời kỳ tái cấu trúc lần thứ ba dựa trên quá trình đổi mới cơ cấu xã hội đất nước liên tục để phù hợp với nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa” (Nguyen & McDonald, 2001, trang 1).
- Sự quản lý và phân bổ ngân sách cho giáo dục đang ngày càng trở nên phi tập trung hơn cả về chiều dọc lẫn chiều ngang. Phi tập trung hoá theo chiều ngang có nghĩa là trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ vai trò chủ đạo thì các cơ quan chức năng khác của chính phủ cũng chịu trách nhiệm trong việc giáo dục và đào tạo (ví dụ như Trường Đại học Y Dược trực thuộc Bộ Y tế, Trường Đại học Văn

hoá và Nhạc viện trực thuộc Bộ Văn hoá Thông tin, Trường Đại học Kiến trúc trực thuộc Bộ Xây dựng, Đại học Quốc gia - Hà Nội và Đại học Quốc gia - Thành phố Hồ Chí Minh). Phi tập trung hoá theo chiều dọc có nghĩa là chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương tăng dần trách nhiệm đối với giáo dục và đào tạo.

- Nghị định 85 của Việt Nam về cải cách giáo dục cho phép các cơ quan chức năng về giáo dục ở cấp địa phương có thêm quyền lực và trách nhiệm để đảm trách các chương trình giáo dục dài hạn.
- Vào năm 1993, Chính phủ đưa ra Nghị định số 90/CP⁸ về cấu trúc của hệ thống giáo dục quốc gia và thể hiện sự cam kết quyết tâm đối với việc tất cả mọi người dân đều có quyền đi học và học tập ở bậc đại học.
- Vào tháng 12 năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra 10 tiêu chuẩn kiểm định trường đầu tiên cho các trường đại học Việt Nam. Từ tháng 3 - 12/2005, mười trường đại học thí điểm đầu tiên đã tiến hành và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Năm 2006, nhóm mười trường tiếp theo sẽ thực hiện và hoàn thành quá trình tự đánh giá. Mười hai trường hoàn thành đánh giá ngoài đồng cấp vào tháng 12/2006. Từ năm 2007 - 2020, các trường đại học và cao đẳng còn lại ở Việt Nam được mong đợi sẽ hoàn thành quá trình tự đánh giá.
- Theo Báo cáo Tiềm Khả thi của Dự án Giáo dục Đại học 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số lớn các cơ sở đào tạo riêng lẻ, đơn ngành đã sát nhập với nhau để trở thành một đơn vị lớn hơn đào tạo nhiều chuyên ngành hơn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006).
- Hệ thống các trường ngoài công lập tăng vọt nhanh chóng. Khoảng 11% tỷ lệ sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng chủ yếu là dựa vào nguồn kinh phí thu từ học phí của sinh viên. Dự kiến đến năm 2010 thì tỷ lệ này sẽ tăng đến 40%. Sự thay đổi liên quan đó là, ở Việt Nam, hơn ¾ sinh viên phải đóng học phí.
- Vấn đề kinh phí cho sự phát triển trong tương lai, hiện nay nhu cầu đi học đại học đang tăng nhanh hơn so với khả năng các trường đại học có thể cung ứng. Để có thể đáp ứng được nhu cầu về tài chính cho sự phát triển này thì gánh nặng về chi phí đào tạo rõ ràng sẽ phải được chuyển sang cho sinh viên và gia đình của họ, và tất yếu sẽ xảy ra mâu thuẫn giữa việc thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội học tập và khuyến khích phát triển những tiêu chuẩn cao hơn trong việc giảng dạy và nghiên cứu.
- Khi hệ thống phát triển, đòi hỏi các đơn vị phải có nhiều sự tự chủ hơn đồng thời đòi hỏi các trường phải có sự tự quản và các quy trình quản lý tốt hơn.

⁸ CP viết tắt của Chính phủ

- Vấn đề chủ yếu chính là chất lượng, mà cụ thể là chất lượng đầu vào, các quá trình, và kết quả đầu ra của giáo dục đại học.

II. Phương pháp

A. Lựa chọn các trường điển cứu

Bốn trường đại học Việt Nam: Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, được lựa chọn tham gia vào Dự án Giáo dục Nông nghiệp bởi vì các trường này có chương trình đào tạo ưu việt trong khoa học nông nghiệp.

B. Thiết kế nghiên cứu

Đây là một dự án nghiên cứu định tính điển cứu đa trường hợp. Giai đoạn đầu, các thông tin chung được thu thập thông qua các nguồn sau: (a) tài liệu/ tờ bướm giới thiệu về trường; (b) danh bạ của Bộ Giáo dục và Đào tạo xuất bản năm 2004; (c) trang Web của các trường; và (d) bản điềm của sinh viên. Thông tin này cung cấp cho các chuyên gia Hoa Kỳ một cái nhìn tổng quan về hệ thống giáo dục đại học và bốn trường đại học nông nghiệp tham gia dự án trước khi các chuyên gia tiến hành chuyến đi khảo sát thực địa vào tháng 9 năm 2006.

III. Tóm tắt bốn trường đại học nông nghiệp tham gia dự án

Trong bốn trường đại học tham gia vào Dự án Giáo dục Nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội và Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên là ở miền Bắc, còn Trường Đại học Cần Thơ và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh là ở miền Nam Việt Nam. Sự phân bố của tám trường đại học chính về khoa học nông nghiệp ở Việt Nam được biểu thị ở Biểu đồ 2.

Biểu đồ 2. Sự phân bố các trường đại học về khoa học nông nghiệp chính ở Việt Nam.



Mặc dù tọa lạc ở các vùng khác nhau nhưng bốn trường đại học tham gia vào dự án này cùng có 5 điểm tương đồng: (a) tiếp nhận sinh viên đại học chính quy; (b) có quá nhiều môn học và tín chỉ bắt buộc; (c) lịch học thường niên; (d) thời lượng của chương trình đào tạo cử nhân; và (e) cơ cấu tổ chức.

Để được nhận vào học chương trình cử nhân khoa học Nông nghiệp ở bốn trường này, sinh viên phải trải qua một quy trình gồm hai bước. Sinh viên phải có bằng trung học phổ thông và theo quy trình tiếp nhận do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Tùy thuộc vào ngành học lựa chọn, sinh viên phải tham gia kỳ thi tuyển sinh theo một trong các ban sau: Ban A gồm Toán, Hoá và Lý; hoặc Ban B gồm Toán, Hoá và Sinh. Kỳ thi tuyển sinh được tổ chức vào tháng bảy hàng năm. Những sinh viên thi đậu kỳ thi tuyển sinh sẽ nhận được giấy báo nhập học vào tháng chín. Kết quả kỳ thi có thể được bảo lưu tối đa là một năm trong trường hợp sinh viên cần hoãn lại việc nhập học của mình.

Bốn trường đại học này yêu cầu quá nhiều môn học và tín chỉ để hoàn thành bằng cử nhân. Phân tích các bảng điểm của sinh viên cho thấy sinh viên được yêu cầu phải học 243-248 tín chỉ hoặc 37-100 môn học để hoàn thành chương trình đại học về Khoa học Nông nghiệp hoặc Trồng cây. Như đã thể hiện trong Bảng 2 ở trang 32, thời lượng của chương trình cử nhân là thống nhất giữa bốn trường. Sinh viên cần bốn năm để hoàn

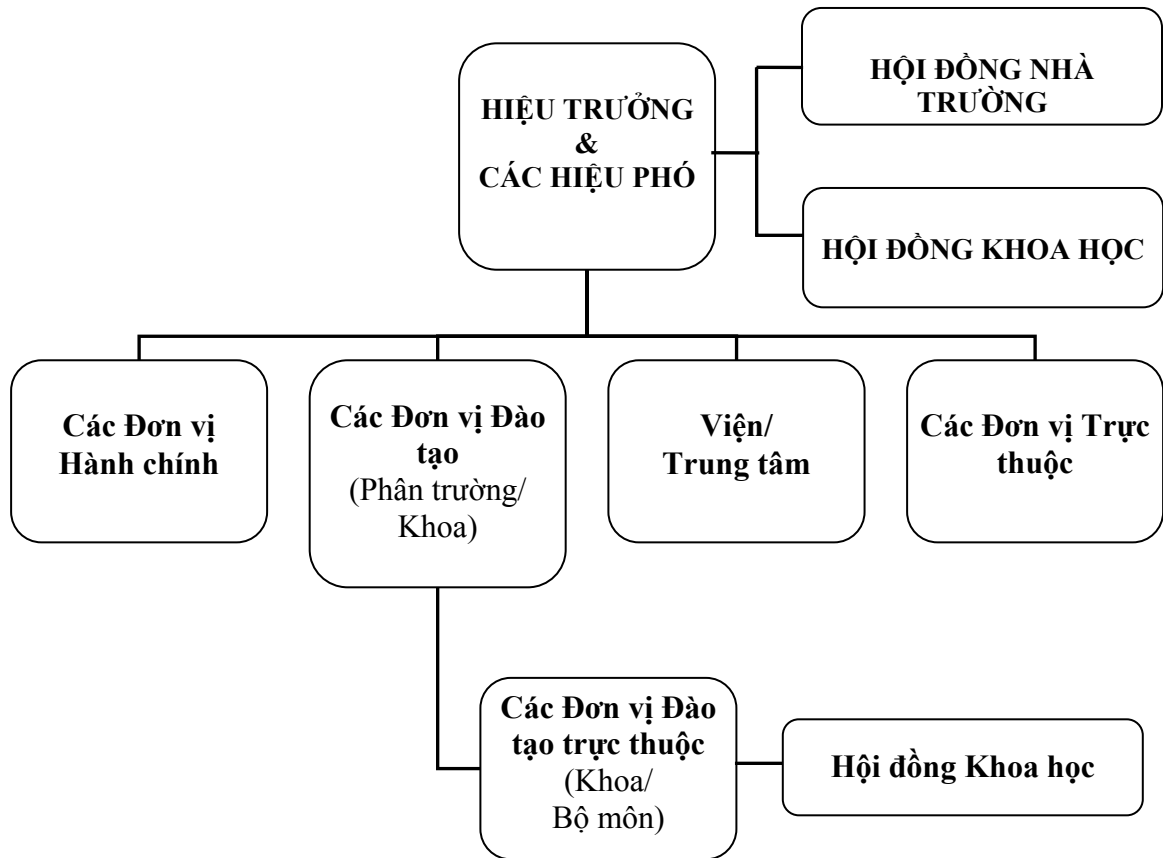
thành bằng Cử nhân về Khoa học Nông nghiệp tại Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, và Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, trong khi thời lượng cần thiết để hoàn thành chương trình cử nhân tại Trường Đại học Cần Thơ là 4,5-5 năm. Các trường đại học ở Việt Nam hoạt động theo học kỳ và một học kỳ gồm 18 tuần: từ tháng tám đến tháng hai (học kỳ thứ nhất) và từ tháng hai đến tháng bảy (học kỳ thứ hai).

Cũng giống như các trường đại học ở Hoa Kỳ, trường đại học ở Việt Nam được chia thành các khoa, và mỗi khoa được chia thành các bộ môn. Các trường đại học Việt Nam sử dụng từ “Faculty” tương đương với một khoa, và “Department” tương đương với một bộ môn hay chuyên ngành. Từ “Faculty” (khoa) ở Việt Nam bao gồm các bộ môn. Người đứng đầu khoa là chủ nhiệm khoa hay trưởng khoa. Người đứng đầu mỗi bộ môn là trưởng bộ môn. Nhằm phục vụ cho bản báo cáo này, các thuật ngữ được chấp nhận phổ biến ở các trường đại học Hoa Kỳ sẽ được sử dụng. Cơ cấu tổ chức của một trường đại học Việt Nam điển hình được thể hiện trong Biểu đồ 3.

Về cơ bản, hiệu trưởng là người đứng đầu trường đại học, chịu trách nhiệm quản lý chung và điều hành. Hội đồng trường đại học là đơn vị được phép lên chiến lược và chính sách, xây dựng các quy định và nội quy về học tập và quản lý của nhà trường. Hội đồng khoa học trường Đại học là đơn vị cố vấn cho hiệu trưởng về chương trình đào tạo và các kế hoạch đào tạo và nghiên cứu dài hạn và ngắn hạn. Bốn trường đại học tham gia vào dự án thuộc quyền quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các vấn đề về học thuật, ngân sách và nhân sự của trường đều nằm dưới sự giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong một trường đại học, mỗi khoa cũng có “hội đồng khoa học” đóng vai trò như là một đơn vị cố vấn cho trưởng khoa về chương trình đào tạo cũng như các kế hoạch đào tạo và giảng dạy.

Một khác biệt quan trọng cần được đề cập là Trường Đại học Cần Thơ là một trường đại học đa ngành trong khi Trường Đại học Nông nghiệp I – Hà Nội và Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên là các trường đại học đơn ngành. Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh hiện nay đang chuyển đổi thành một trường đại học đa ngành với các chương trình đào tạo đa dạng. Một khác biệt nữa là Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên là một thành viên của trường Đại học khu vực Thái Nguyên; do vậy, trường này có nhiều hơn một tầng trong tuyến báo cáo hơn là đi trực tiếp giữa trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phần tóm tắt thông tin chung về bốn trường Đại học được cung cấp trong Bảng 2, trang 31-35 của bản báo cáo này.

Chart 3. Cơ cấu tổ chức điển hình của một trường đại học Việt Nam



Để biết thêm thông tin về các trường đại học tham gia Dự án, xin tham khảo các trang Web dưới đây:

Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội: <http://www.hau1.edu.vn/en/intro.htm>

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên:
<http://www.tnu.edu.vn/c-agriculture.htm>

Trường Đại học Cần Thơ: http://www.ctu.edu.vn/index_e.htm

Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh:
<http://www.hcmuaf.edu.vn/english/index.html>

IV. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007a). *Số liệu thống kê giáo dục [Statistics on education]*. Truy cập tại <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/mamnon.htm>, <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/phothong.htm>, <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/thcn.htm>, and <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/dhcd.htm> vào ngày 24/01/2007.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007b). *Số liệu thống kê giáo dục [Statistics on education]*. Truy cập tại <http://www.edu.net.vn/Data/ThongKe/dhcd.htm> vào ngày 24/01/2007.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Hỗ trợ kỹ thuật cho sự chuẩn bị Dự án Giáo dục Đại học 2 [HEP2]: Tiên khả thi*. Truy cập tại <http://www.tahep2.edu.vn/Default.asp?catid=25> vào ngày 24/03/2006.
- Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2004). *Danh bạ Giáo dục và Đào tạo ở Việt Nam* (Xuất bản lần 3).
- Nguyen, P. N., & McDonald, J. J. (2001). *Bảo đảm chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam*. Hội nghị chuyên đề QHE lần thứ sáu: “Sự kết thúc của chất lượng?”
- Nguyen, T. N. (08/2006). *Trao đổi cá nhân*. Chương trình: “Nói và làm” do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và HTV tổ chức.

V. Thông tin hữu ích khác

- Director, S. W., Doughty, P., Gray, P. J., Hopcroft, J. E., & Silvera, I. F. (2006). *Những quan sát về giáo dục đại học trong các ngành công nghệ thông tin, kỹ thuật điện-điện tử-viễn thông, và vật lý tại một số trường đại học Việt Nam*. Báo cáo của các Đoàn Khảo sát Thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ đệ trình cho Quỹ Giáo dục Việt Nam. Có tại Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF), 2111 Wilson Boulevard, Suite 700, Arlington, VA 22201.
- Viện Giáo dục Quốc tế (2005). *Cập nhật giáo dục đại học tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Viện Giáo dục Quốc tế. Truy cập tại [http://projects.vef.gov/assessment/uploads/Higher%20 Education%20in %20VN-2005%20by%20IIE.pdf](http://projects.vef.gov/assessment/uploads/Higher%20Education%20in%20VN-2005%20by%20IIE.pdf) vào ngày 04/04/2006.

Bảng 2. Tóm tắt bốn trường đại học tham gia vào Dự án Giáo dục Nông nghiệp

	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
Năm thành lập	1956	1970	1966	1955
Khu vực phục vụ	Trường đại học chính về khoa học nông nghiệp tại miền Bắc Việt Nam	Khu vực miền núi phía Bắc	12 tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long	Trường đại học chính về khoa học nông nghiệp ở miền Nam Việt Nam
Đơn vị báo cáo cấp trên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Khu vực Thái Nguyên, đến Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nhiệm vụ	<p>Thực hiện đào tạo, nghiên cứu và phát triển và các hoạt động khuyến nông.</p> <p>Đề đạt được sự xuất sắc trong đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ công cộng, Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội cam kết đảm bảo thành công sự phát triển nông nghiệp và nông thôn, đóng góp vào sự phát triển của quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.</p> <p>Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao và nâng cao năng suất và hiệu quả nông nghiệp bằng cách sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nông nghiệp sẵn có để thoả mãn các nhu cầu kinh tế, xã hội, vật lý và sinh thái của người Việt Nam, ứng dụng các phương pháp và hệ thống bền vững, nhân văn, công bằng xã hội, và có lợi cho môi trường.</p>	<p>Đào tạo đại học trong các ngành nông nghiệp, khoa học lâm nghiệp, công nghệ và quản lý nhằm khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.</p> <p>Đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ để giải quyết các vấn đề, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của miền núi phía Bắc Việt Nam.</p> <p>Là trung tâm giao lưu giáo dục về nông nghiệp và lâm nghiệp cũng như là nơi lưu trữ thông tin giữa khu vực miền núi phía Bắc và các khu vực khác của Việt Nam.</p>	<p>Nằm ở trung tâm Đồng bằng Sông Cửu Long của miền Nam Việt Nam, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng của Trường Đại học Cần Thơ có các nhiệm vụ sau:</p> <p>Đào tạo các chương trình đại học, thạc sĩ và tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp để đáp ứng các nhu cầu giáo dục hiện tại và tương lai của dân cư Đồng bằng Sông Cửu Long.</p> <p>Tiến hành các nghiên cứu khoa học cơ bản và phát triển các ứng dụng của nông nghiệp cho Đồng bằng Sông Cửu Long và các khu vực khác.</p> <p>Trực tiếp phục vụ nhu cầu của cộng đồng bằng cách phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ và chuyển giao công nghệ.</p> <p>Hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực và năng suất địa phương bằng cách mở rộng hoạt động nông nghiệp và giới thiệu các tiến bộ khoa học và kỹ thuật đến các nông dân địa phương.</p>	<p>Đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực nông nghiệp, khoa học, kỹ thuật, ngoại ngữ, giáo dục, kinh tế, và quản lý với tiêu chuẩn cao về học thuật, đạo đức và tính sáng tạo.</p> <p>Tiến hành nghiên cứu và các hoạt động phát triển dẫn đến sự phát triển kinh tế và bảo tồn các nguồn tài nguyên bền vững.</p> <p>Tạo ra một trung tâm thông tin để phổ biến các kiến thức và công nghệ phù hợp và tiên tiến đến cộng đồng.</p>

	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
Lịch học	Học kỳ I: Tháng tám – tháng một Học kỳ II: Tháng hai- tháng sáu	Học kỳ I: Tháng tám – tháng hai Học kỳ II: Tháng hai- tháng bảy	Học kỳ I: Tháng tám – tháng hai Học kỳ II: Tháng hai- tháng bảy	Học kỳ I: Tháng chín – tháng một Học kỳ II: Tháng hai- tháng bảy (18 tuần/học kỳ)
Số môn học & số tín chỉ qui định cho chương trình cử nhân	Nông học: 248 tín chỉ, 37 môn học và 15 tín chỉ luận văn	Nông học: Không rõ số lượng tín chỉ yêu cầu, nhưng gồm 50 môn học và luận văn	Trồng trọt: 248 tín chỉ, 100 môn học và 15 tín chỉ luận văn	Thủy sản: 235 tín chỉ, 73 môn học và 10 tín chỉ luận văn
Bằng cấp và chương trình đào tạo	Cử nhân khoa học 4 năm trong các ngành học: Quản trị Kinh doanh Nông nghiệp Kinh tế Nông nghiệp Nông học Quản lý Sử dụng Đất Bảo vệ Thực vật Khoa học Đất đai Cử nhân khoa học đào tạo trong 4,5 năm cho ngành học: Kỹ thuật Nông nghiệp Thú y Thạc sĩ: 2 năm Tiến sĩ: 2-3 năm	Cử nhân khoa học 4 năm trong các ngành học: Kinh tế Nông nghiệp Nông học Chăn nuôi và Thú y Kế toán Kinh doanh Quản trị Kinh doanh Lâm nghiệp Quản lý Đất đai và Kỹ thuật Nông nghiệp Sư phạm Cử nhân khoa học Thú y học 4.5 năm Thạc sĩ: 2-3 năm Tiến sĩ: 3-4 năm Hệ đào tạo khác: Chứng chỉ 3 năm Giáo dục nghề 2 năm Đào tạo ngắn hạn từ 1- 4 tuần	Có 66 chương trình đào tạo đại học, 15 chương trình đào tạo thạc sĩ, và 5 chương trình đào tạo tiến sĩ. Cử nhân khoa học 4.5-5 năm trong các ngành học: Nông nghiệp Nông học Chăn nuôi Nuôi trồng Thủy sản Quản lý Môi trường và Tài nguyên Công nghệ Thực phẩm Thú y Quản lý Đất đai Thạc sĩ : 3 năm Tiến sĩ: 3 năm	Có 40 chương trình đào tạo đại học, 11 chương trình đào tạo thạc sĩ, và 11 chương trình đào tạo tiến sĩ. Cử nhân khoa học 4 năm trong các ngành học: Kế toán Chế biến Nông nghiệp và Sản phẩm Lương thực Kinh doanh Nông nghiệp Kinh tế Nông nghiệp Cơ khí Nông Lâm Bảo quản và Chế biến Nông sản và Vi sinh Thực phẩm Sư phạm Nông nghiệp Bảo quản Chế biến Nông sản, thực phẩm và Dinh dưỡng Người Khoa học Nông lâm Nông học Khoa học Động vật Nuôi trồng Thủy sản Quản lý Sức khỏe Động vật Dưới nước Chế biến Thủy sản Điều khiển Tự động Công nghệ - Kỹ thuật Ô tô Công nghệ Sinh học Quản trị Kinh doanh Công nghệ Địa chính Công nghệ hoá học Quản trị Kinh doanh Thương mại Tiếng Anh Môi trường và Tài nguyên Kinh tế học

	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
				<p> Quản lý Môi trường Quản lý Môi trường và Du lịch Sinh thái Công nghệ Môi trường Công nghệ Chế biến Lâm sản Quản lý Nguồn rừng Lâm nghiệp Kỹ thuật Nhiệt - Lạnh Công nghệ Thông tin Quản lý Đất đai và bất động sản Thiết kế Cảnh quan và Môi trường Cơ khí Bảo quản và Chế biến Nông sản- Thực phẩm Cơ Điện tử Bảo vệ Thực vật Công nghệ Bột giấy và Giấy Quản lý Thị trường Bất Động sản Phát triển Nông thôn và Khuyến nông Chương trình đào tạo 5 năm ngành Thú y và Dược Thú y Chương trình đào tạo 3 năm trong các ngành: Công nghệ và Kỹ thuật Nông nghiệp Nuôi trồng Thủy sản Công nghệ Thông tin Quản lý Đất đai Cơ học về Chế biến và Bảo quản Nông sản </p> <p> Các ngành mới trong năm 2006: GIS (hệ thống thông tin địa lý) và tiếng Pháp Thạc sĩ khoa học: 2-3 năm sau cử nhân khoa học. Tiến sĩ khoa học: 3 năm sau thạc sĩ khoa học. </p> <p> Các hệ đào tạo khác: Các chương trình đào tạo ngắn hạn Chương trình đào tạo 2 năm trong các ngành khác nhau. </p>

	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
Các khoa đào tạo	10 khoa: Khoa Cơ điện Khoa Nông học Khoa Thú y Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn Khoa Công nghệ Thực phẩm Khoa Sau Đại học Khoa Đất đai và Môi trường Giáo dục Quốc phòng Khoa học Xã hội và Nhân văn Khoa Sư phạm Kỹ thuật	7 khoa: Khoa Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp Khoa Khuyến nông và Phát triển Nông thôn Khoa Nông học Khoa Chăn nuôi và Thú y Khoa Lâm nghiệp Khoa Sau Đại học Khoa Tài nguyên và Môi trường	8 khoa: Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng Khoa Thủy sản Khoa Khoa học Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Khoa Luật Khoa Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh Khoa Sư phạm	12 khoa (với 69 bộ môn): Khoa Nông học Khoa Chăn nuôi - Thú y Khoa Kinh tế Khoa Cơ khí Công nghiệp Khoa Công nghệ Môi trường Khoa Thủy sản Khoa Công nghệ Thực phẩm Khoa Ngoại ngữ Khoa Lâm nghiệp Khoa Công nghệ Thông tin Khoa Quản lý Đất đai và Bất Động sản Khoa Khoa học ⁹ 5 bộ môn trực thuộc trường: Bộ môn Mác-Lênin Bộ môn Cảnh quan và Kỹ thuật Hoa viên Bộ môn Công nghệ Sinh học Bộ môn Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp Bộ môn Công nghệ Hoá học
Nghiên cứu, dịch vụ, trung tâm, viện và những cơ sở khác	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp (CARES) Trung tâm Thực nghiệm và Chuyển giao Công nghệ Sản xuất Nông nghiệp (CETAI) Trung tâm Ứng dụng Công nghệ cao (CHTA) Trung tâm Nghiên cứu Liên ngành Phát triển Nông thôn (CIRD) Trung tâm Nghiên cứu Bệnh Cây Nhiệt đới (CTPP) Viện Sinh học Nông nghiệp (IAB) Trung tâm Quản lý Đất đai (LAC) Trung tâm Phát triển VAC	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông Lâm nghiệp Miền Núi phía Bắc Trung tâm Tin học Ứng dụng Trung tâm Thực hành và Thí nghiệm Trung tâm Tài nguyên và Môi trường Miền Núi phía Bắc Trung tâm Ngoại ngữ Phòng Thí nghiệm Trung tâm	Viện Công nghệ Sinh học Trung tâm Ngoại ngữ Trung tâm Nghiên cứu - Thực nghiệm và Đa dạng Sinh học Hoà An Trung tâm Học liệu Viện Nghiên cứu và Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Trung tâm Dịch vụ	Trung tâm Năng lượng và Máy Nông nghiệp Trung tâm Ngoại ngữ Trung tâm Công nghệ và Thiết bị Nhiệt – Lạnh Trung tâm Bồi dưỡng Văn hoá và Luyện thi Đại học Trung tâm Phân tích Thí nghiệm Hoá-Sinh Trung tâm Tin học Ứng dụng Trung tâm Nghiên cứu Chế biến Rau quả Trung tâm Nghiên cứu Cây Công nghiệp Xuất khẩu Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Sinh học Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng Kỹ thuật Địa chính Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Thường xuyên Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Quản lý Môi trường và Tài nguyên Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Kỹ thuật Chế biến Lâm sản Phòng khám Thú y

⁹ Được bổ sung so với bản tiếng Anh

	Trường Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
Giảng viên	600 (55% có bằng cấp sau đại học: 160 tiến sĩ và 170 thạc sĩ; gồm 12 giáo sư, 56 phó giáo sư; 40% dưới 35 tuổi)	250 (85% có bằng cấp sau đại học: 35 tiến sĩ, 154 thạc sĩ; có 2 phó giáo sư)	1.161 (42% có bằng cấp sau đại học: 85 tiến sĩ, 397 thạc sĩ)	650 (62% có bằng cấp sau đại học; bao gồm 17 phó giáo sư)
Sinh viên	5.250 (hệ chính quy: 2.700; tại chức: 2.000; học viên cao học: 300-500; nghiên cứu sinh: 30-50) tính vào thời điểm năm học 2006-2007	8.459 (sinh viên đại học và sau đại học)	18.196 tại trường (17.401 sinh viên đại học; 397 sinh viên sau đại học; 398 sinh viên hệ không chính quy) 15.549 sinh viên học từ xa (từ các trung tâm đào tạo từ xa ở các tỉnh)	21.000
Hợp tác quốc tế	10 nước (12 trường đại học và viện), bao gồm Hoa Kỳ (Trường Đại học Hawaii và Trường Đại học California) Hơn 10 tổ chức quốc tế	17 nước Hơn 9 tổ chức quốc tế	Hơn 20 nước (80 trường đại học và viện) bao gồm Hoa Kỳ (Trường Đại học Hawaii, Trường Đại học Wisconsin tại Madison, Trường Đại học Bang Michigan, Viện Harvard-Yenching) Hơn 23 tổ chức chính phủ và phi chính phủ quốc tế.	22 quốc gia (76 trường đại học và viện), bao gồm Hoa Kỳ (Trường Đại học Bách Khoa Bang California tại Pomona; Trung tâm Đông Tây - Hawaii; Khoa Nông nghiệp & Kỹ thuật Hệ thống Sinh học, Trường Đại học Bang Iowa; Trường Đại học Bang Florida; Trường Đại học Bang Louisiana; Trạm Thí nghiệm Nông nghiệp Texas (TAES); Trường Đại học Hawaii tại Manoa; Trường Đại học Texas A&M; Trường Đại học Texas Tech; Trường Nông nghiệp – Đại học Auburn; Trường Đại học Bang Oklahoma; Trường Đại học Florida; Trường Đại học California - Fullerton) Hơn 36 viện nghiên cứu quốc tế; các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ

